

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 699/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 29 - 12 - 2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Khắc Chung;

Ông Nguyễn Hoàng T2.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Ph, tỉnh An Giang.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Ph xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 630/2020/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T1, sinh năm 1981; (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T2, sinh năm 1973 (Xin vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp Mỹ Ph, xã Mỹ Đ, Huyện Ph, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lê Thị T1 trình bày: Chị T1 và anh T2 là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy

tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh T2. Về con chung: Chị T1 và anh T2 chung sống có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 07/4/1999, Lê Văn H, sinh ngày 05/7/2001 hiện 02 con chung đã thành niên và có khả năng lao động được. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Văn T2 trình bày: Thống nhất với phần trình bày của chị T1 về thời gian chung sống, mâu thuẫn, thời gian ly thân, đồng ý ly hôn. Con chung có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 07/4/1999, Lê Văn H, sinh ngày 05/7/2001 hiện 02 con chung đã thành niên và có khả năng lao động được. Về tài sản chung không có, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Chị T1 giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Anh T2 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Văn T2 có hộ khẩu thường trú tại xã Mỹ Đ, Hện Ph, tỉnh An Giang. Chị T1 khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân Hện Ph thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị T1 và anh T2 chung sống năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa, chị T1 cho rằng vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2016 đến nay, nay không còn tình cảm đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên kiên quyết ly hôn. Xét thấy, chị T1 và anh T2 chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị T1 và anh Lê Văn T2.

- Về con chung: Chị T1 và anh T2 chung sống có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 07/4/1999, Lê Văn H, sinh ngày 05/7/2001 hiện 02 con chung đã thành niên và có khả năng lao động được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị T1 phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị T1 và anh Lê Văn T2

Về con chung: Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 07/4/1999, Lê Văn H, sinh ngày 05/7/2001, Hiện 02 con chung đã thành niên và có khả năng lao động được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008485 ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PH.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA Hện PH;
- VKSND Hện PH;
- Đường sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần THị Ngọc Mỹ